CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Tư vấn đầu tư PP Enterprise

Ngày 31/12/2025	12,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**0%**	**9.4%**

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	9,100 - 15,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	46
Số lượng CPLH (CP)	3,600,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	160
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	0.01
EPS	372
P/E	34.4

DT thuần
Q4/25
141
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 73.2| 109%
YoY: ▲ 141|

LN thuần
Q4/25
1.81
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.50| 484%
YoY: ▲ 2.10| 725%

LN sau thuế
Q4/25
1.52
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.34| 743%
YoY: ▼0.68| -31.0%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
1.2%
YoY: +/-▼ 73.9%

ROE
2025
5.6%
YoY: +/-▼ 18.6%

DT thuần
2025
209
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 204| 4143%

LN thuần
2025
2.30
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.90| 467%

LN sau thuế
2025
1.84
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.23| -40.0%

Cơ cấu sở hữu

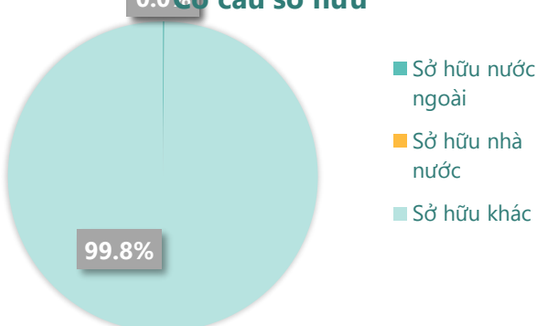

(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

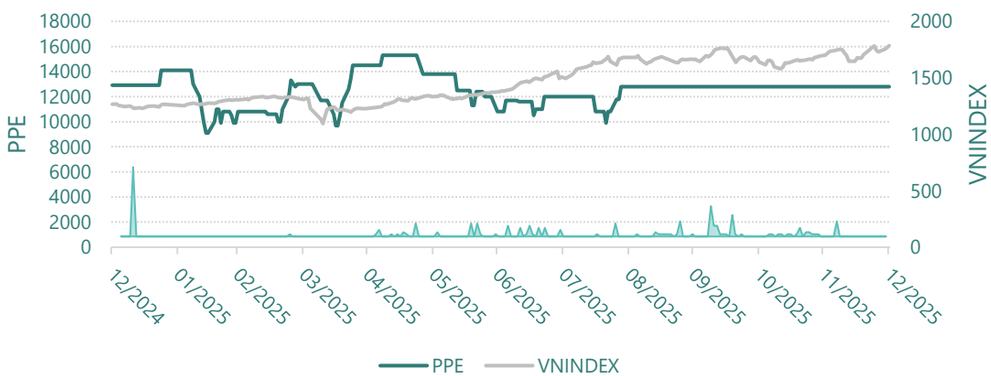

Cơ cấu cổ đông

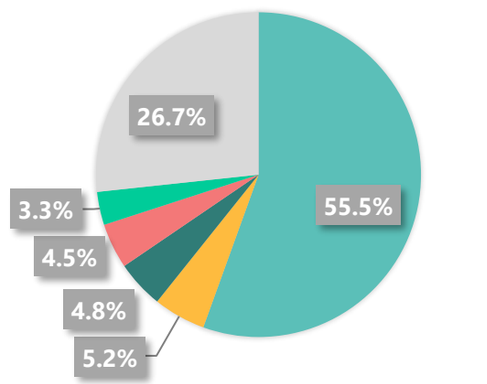

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp

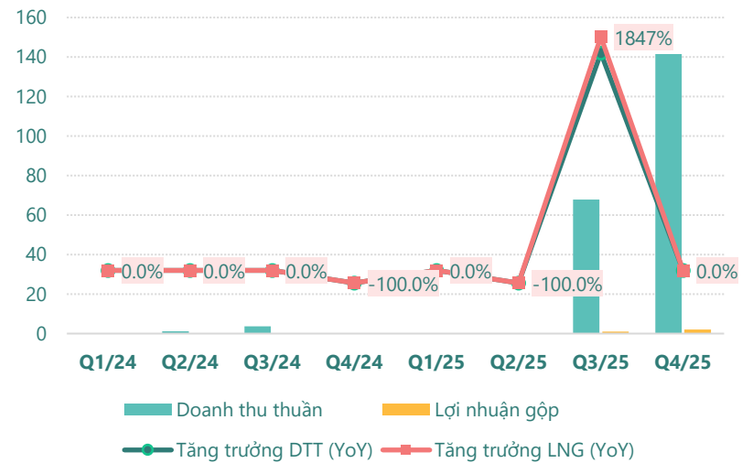

(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận

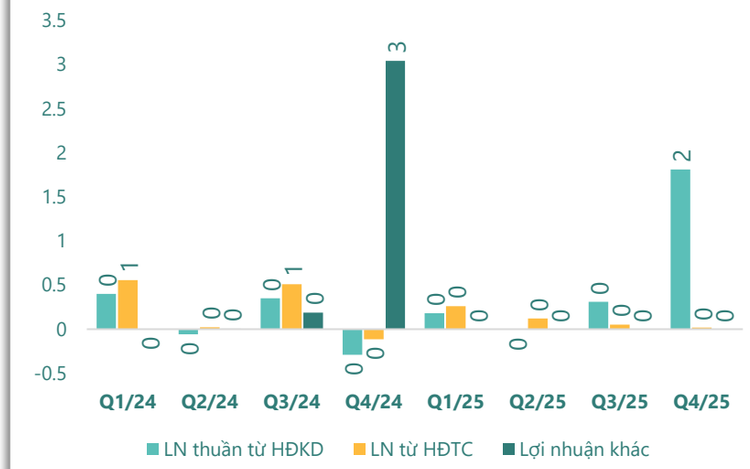

(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí

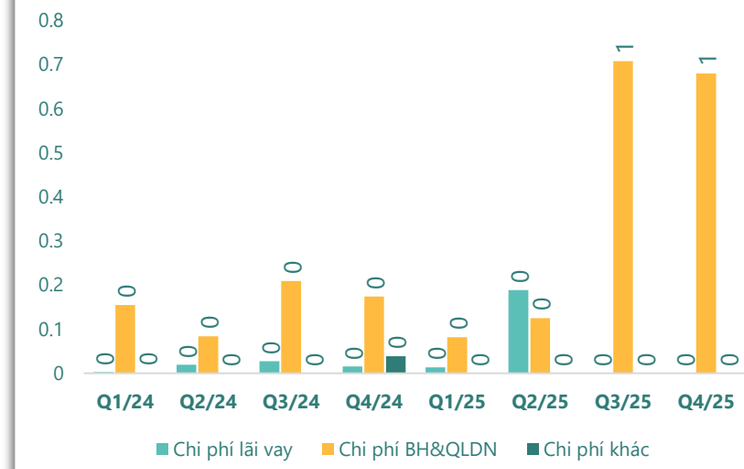

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận

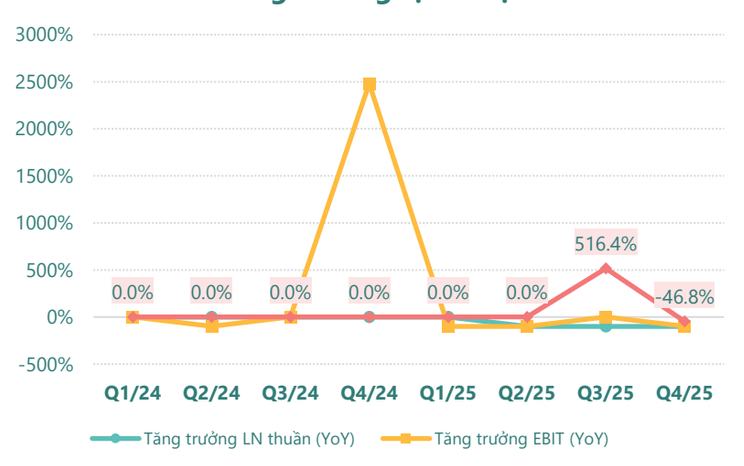

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

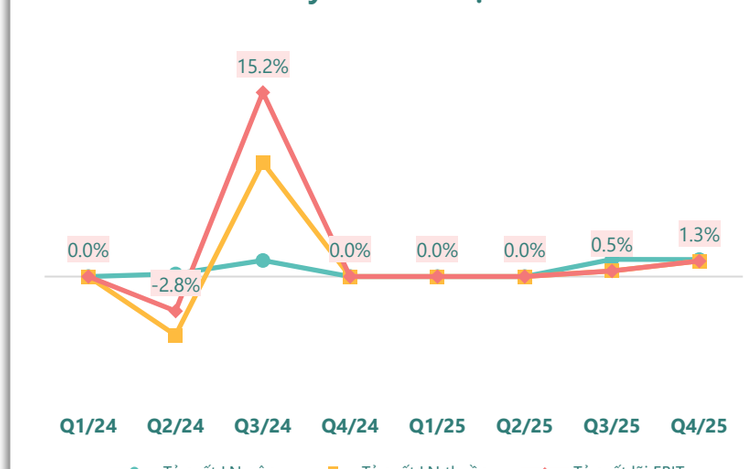

(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

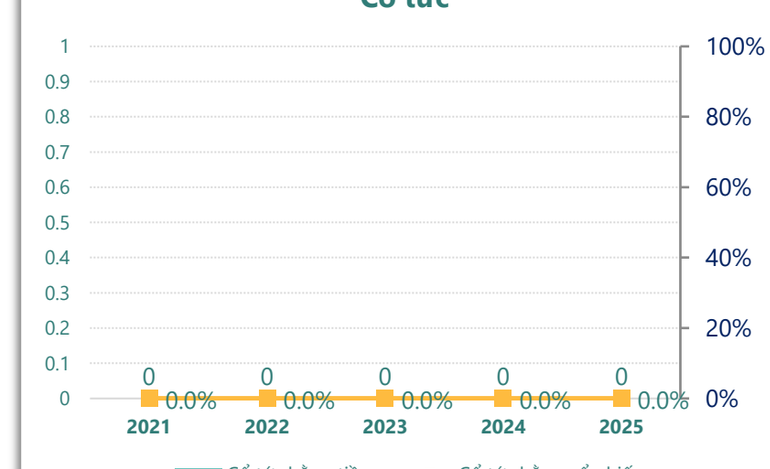

(Nguồn: fireant.vn)

TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

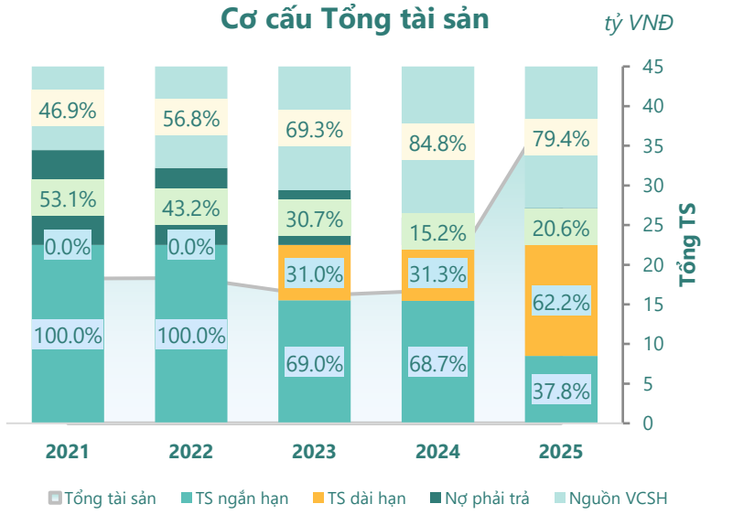

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

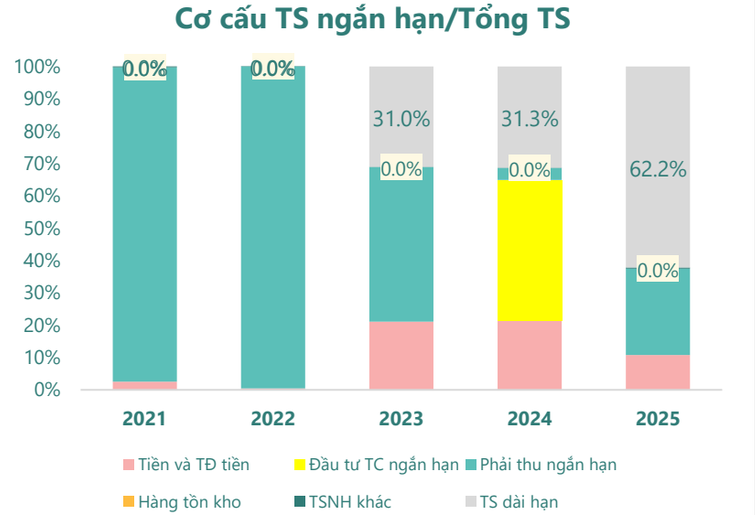

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

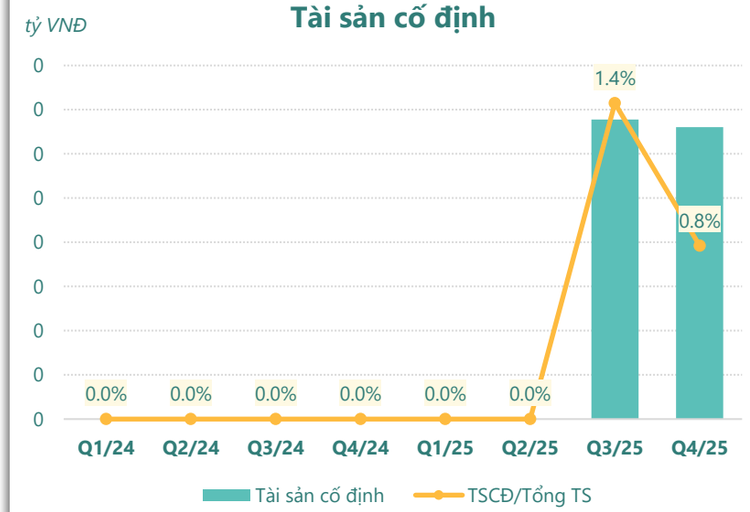

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

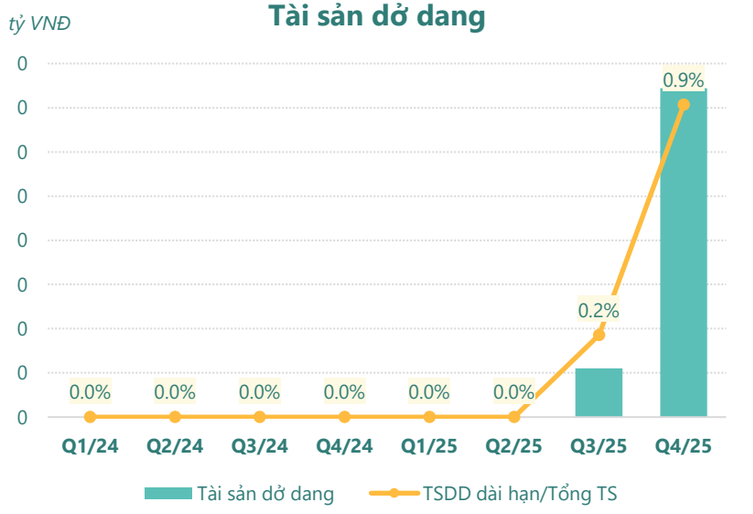

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

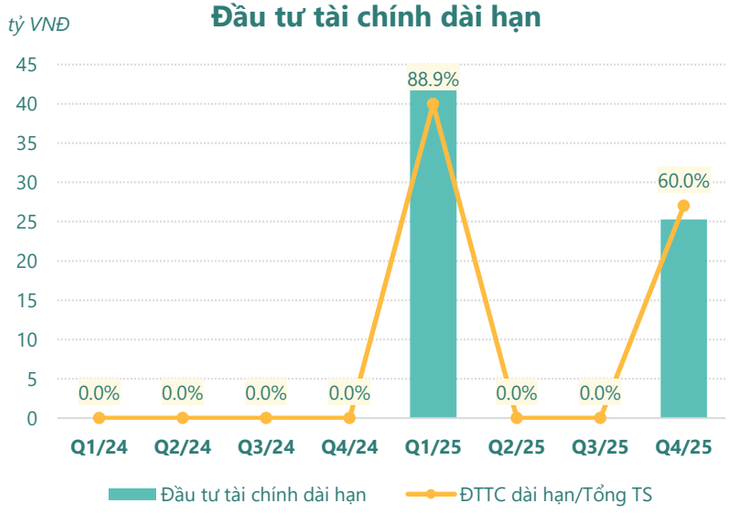

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

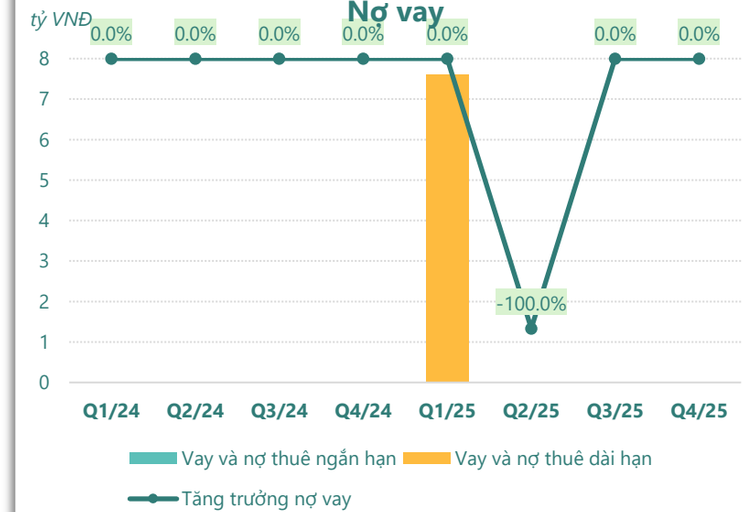

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH

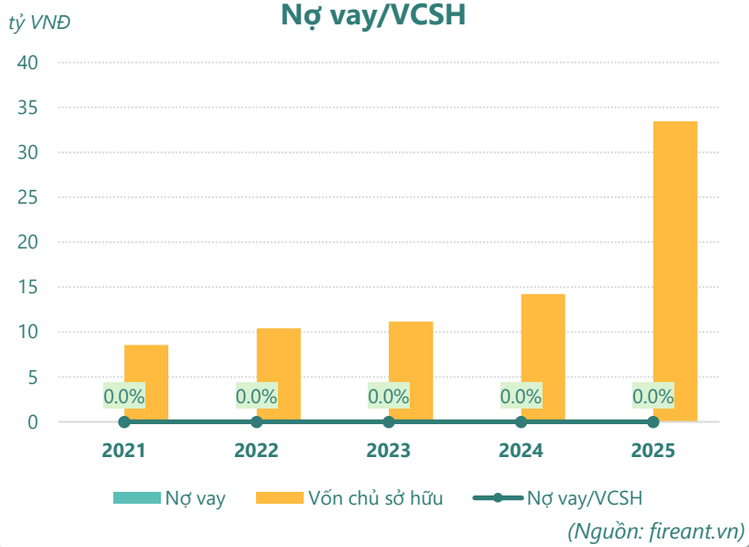

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

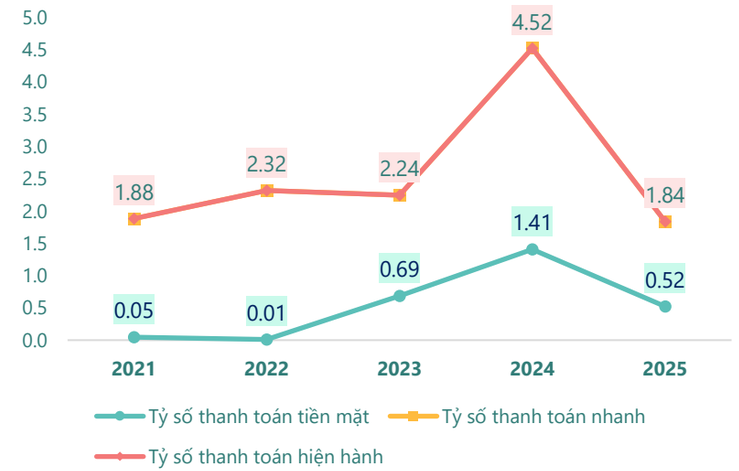

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

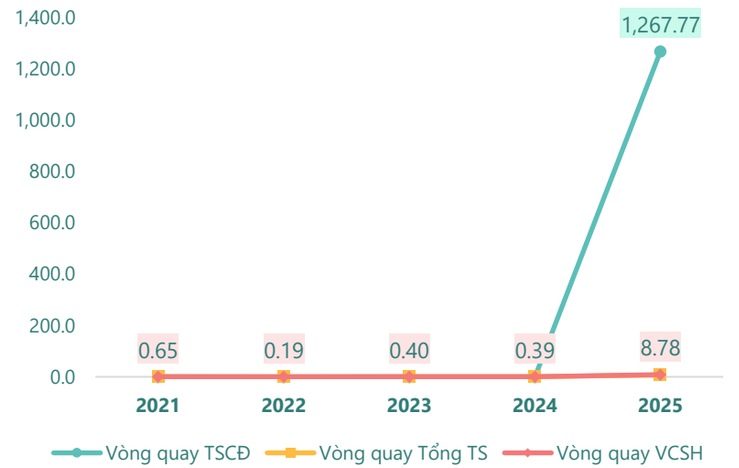

(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay

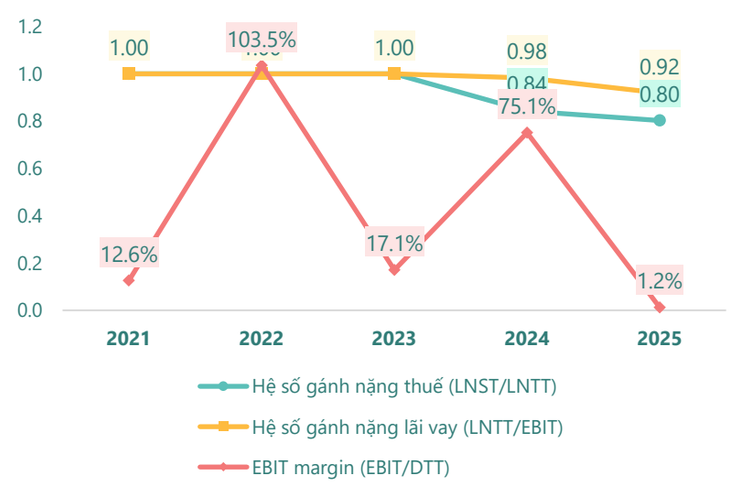

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE

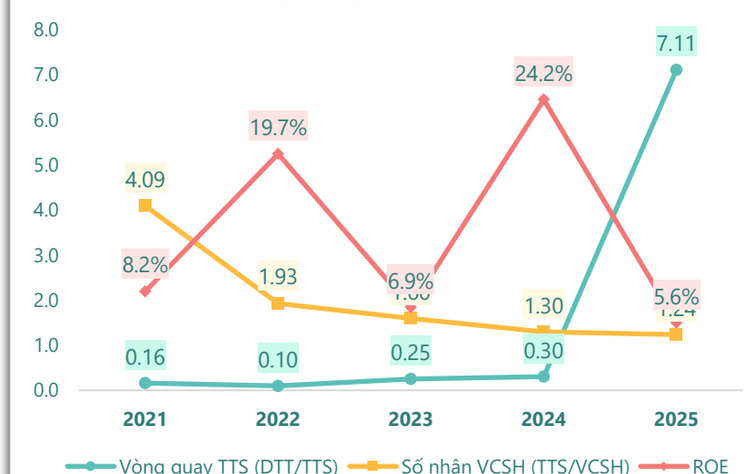

(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn

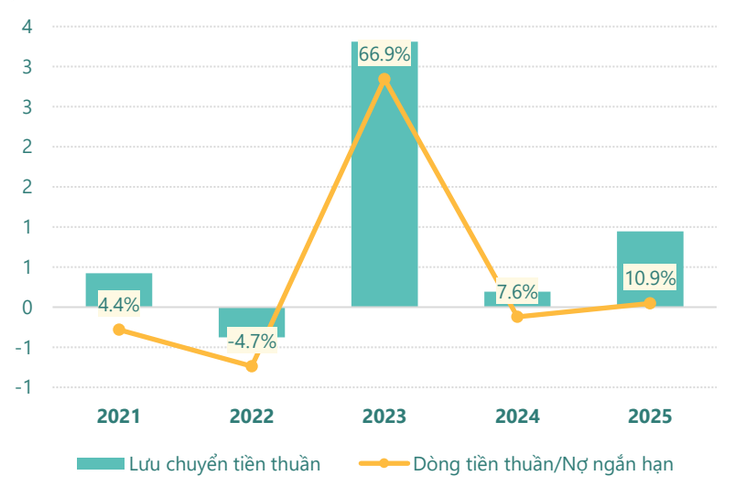

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**141**	**0.00**		**209**	**4.93**	**4143%**
Giá vốn hàng bán	139	0.00		206	4.88	4127%
Lợi nhuận gộp	2.01	0.00		2.97	0.05	5600%
Doanh thu HĐTC	0.02	0.25	-92.2%	0.66	1.67	-60.2%
Chi phí TC	0	0.37	-100%	0.21	0.69	-70.0%
Chi phí lãi vay	0	0.02	-100%	0.20	0.06	215%
LN trong công ty LKLD	**0.47**	**0.00**		**0.47**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.18	0.00		0.27	0	
Chi phí QLDN	**0.50**	**0.17**	**197%**	**1.32**	**0.62**	**112%**
LN thuần từ HĐKD	1.81	-0.29	725%	2.30	0.40	467%
Lợi nhuận khác	**0.00**	**3.04**	**-100.0%**	**0.00**	**3.24**	**-100.0%**
LN trước thuế	1.81	2.75	-34.1%	2.30	3.64	-36.9%
Lợi nhuận sau thuế	**1.52**	**2.20**	**-31.0%**	**1.84**	**3.07**	**-40.0%**
LNST của CĐ cty mẹ	**1.16**	**2.20**	**-47.1%**	**1.34**	**3.07**	**-56.4%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	2.16	-2.21	1.33	-0.25	-1.97	2.23
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-4.94	0.01	-12.5	18.2	2.94	-24.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	7.60	-7.60	0	15.8
Tiền đầu kỳ	8.56	5.78	3.58	0.05	10.4	11.4
Lưu chuyển tiền thuần	**-2.78**	**-2.20**	**-3.53**	**10.4**	**0.97**	**-6.89**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	5.78	3.58	0.05	10.4	11.4	4.53

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**42.1**	**16.8**	**151%**
Tài sản ngắn hạn	15.9	11.5	38.1%
Tiền và tương đương tiền	4.53	3.58	26.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	7.30	-100%
Phải thu ngắn hạn	11.3	0.62	1716%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0.12	0.02	550%
Tài sản dài hạn	**26.2**	**5.25**	**399%**
Phải thu dài hạn	0	5.25	-100%
Tài sản cố định	0.33	0	
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.37	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	25.3	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.02**	**0**	
Lợi thế thương mại	0.19	0	
Nợ phải trả	8.66	2.55	240%
Nợ ngắn hạn	**8.66**	**2.55**	**240%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.06	0	
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**33.4**	**14.2**	**135%**
Vốn chủ sở hữu	**33.4**	**14.2**	**135%**
Vốn điều lệ	36.0	20.0	80.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)